

Bản án số: 178 /2022/ HN-ST
Ngày: 07-7-2022
“V/v Ly hôn giữa chị P và anh H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TUỜNG**

2. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

Không có tham gia.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lý Thị Ngọc P**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp K, xã K1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Lê Thanh H**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị P có mặt, anh H xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn chị Lý Thị Ngọc P trình bày:** Do quen biết chị và anh H chung sống như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Hai người chung sống hạnh phúc đến đầu 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi nhau.

Con chung: Có 02 con chung tên Lê Phát Đ, sinh ngày 23/01/2003 và Lê Ngọc A, sinh ngày 29/8/2015, hiện đang sống với chị.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Chị P yêu cầu được ly hôn anh H. Con chung chưa thành niên chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

- **Bị đơn anh Lê Thanh H trình bày:** Anh thống nhất với lời trình bày của chị P về quá trình chung sống của 02 người, con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh đồng ý ly hôn với chị P. Con chung đồng ý để chị P nuôi cháu A, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị P khởi kiện yêu cầu ly hôn anh H, yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Bị đơn anh Lê Thanh H ngày 01/7/2022 có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận buôn bán không thể đến Tòa án được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị P và anh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Trong quá trình chung sống giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, cả 02 người đều thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, do anh chị chung sống với nhau dù có đủ điều kiện để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nhưng vẫn không thực hiện do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo qui định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị P và anh H là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Phát Đ, sinh ngày 23/01/2003 và Lê Ngọc A, sinh ngày 29/8/2015. Đối với cháu Đạt đã thành niên và lao động được nên không xem xét. Riêng cháu A cả 02 anh chị đều thống nhất là sẽ để chị P tiếp tục nuôi. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp qui định pháp luật và hiện tại cháu Thơ cũng đang sống cùng chị P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị P không yêu cầu, phía anh H không tự nguyện nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

[2.5]. Nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 84, 85, 86 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lý Thị Ngọc P và anh Lê Thanh H là vợ chồng.

2. Về con chung:

2.1. Tiếp tục giao con chung chưa thành niên tên Lê Ngọc A, sinh ngày 29/8/2015 cho chị Lý Thị Ngọc P nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Anh Lê Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con.
Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lý Thị Ngọc P phải chịu 300.000đồng án phí DSST. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009796 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

6. Về thời hạn kháng cáo: Chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh H thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

